

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 01/2019/KDTM-ST

Ngày 22/5/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;
2. Ông Nguyễn Tiên Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2019, tại trụ sở TAND huyện Lục Nam tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 04/01/2019, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 03/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B Việt Nam;

Có trụ sở: Số 35 HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Quang X1 – Giám đốc Phòng giao dịch LN - Ngân hàng TMCP B Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* - Anh Dương Văn T1, sinh năm 1981, vắng mặt;

- Chị Đào Thị H1, sinh năm 1983, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn ĐL, xã BL, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện ghi ngày 14/11/2018, bản tự khai Ông Đào Quang X1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B Việt Nam trình bày: Ngày 15/6/2017 Phòng giao dịch Lục Nam - Ngân hàng TMCP B Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang và anh Dương Văn T1 có ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/5589081/HĐTD. Trên cơ sở đó, Ngân hàng có cho anh T1 vay số tiền là 500.000.000đ. Mục đích vay để anh chị kinh doanh sắt thép, giải khát, ăn uống...theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20H006075 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 28/11/2014. Hợp đồng vay có thời hạn đến ngày 15/02/2018. Lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi trong hạn.

Khi vay anh T1, chị H1 có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015/5589081/HĐBĐ ngày 16/10/2015 đối với diện tích 81,7m² đất ở và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 02 tầng có diện tích 163,4m², địa chỉ thửa đất thuộc thôn ĐL, xã BL, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận ngày 25/12/2009 đứng tên ông Dương Văn T1 và bà Đào Thị H1 để đảm bảo cho việc vay và nghĩa vụ thanh toán.

Hết thời hạn vay, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Dương Văn T1, chị Đào Thị H1 thanh toán nhưng vợ chồng anh T1, chị H1 mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ lãi là 22.515.342đ, số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại anh chị không có thiện chí trả.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng, Ông Đào Quang X1 yêu anh T1, chị H1 phải thanh toán trả Ngân hàng tiền gốc vay chưa thanh toán là 500.000.000đ và tiền nợ lãi tính đến ngày 22/5/2019 là 98.967.534đ. Trường hợp anh T1, chị H1 không thanh toán trả Ngân hàng được, ông đề nghị phát mại toàn bộ tài sản mà anh T1, chị H1 đã thế chấp để thu hồi nợ.

Vì lý do công việc của đơn vị bận nên Ông Đào Quang X1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Ông Đào Quang X1 vắng mặt.

Anh Dương Văn T1 có nơi cư trú tại thôn ĐL, xã BL, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án tiến hành giao, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng hết thời hạn được giao, được tổng đạt anh T1 không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và để giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thủ tục lấy lời khai của anh T1 nhưng anh T1 không có mặt tại gia đình. Do vậy, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án làm việc và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Văn T1 vắng mặt.

Chị Đào Thị H1 trình bày: Thừa nhận về việc giao kết các hợp đồng, số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay và nợ lãi đúng như đại diện Ngân hàng đã đưa ra. Đền nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng chị ra Tòa án để giải quyết, quan điểm của chị là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì lý do bận công việc nên chị Đào Thị H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, chị Đào Thị H1 vắng mặt.

Tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị HĐXX: Khoản 16 Điều 4, các Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 292, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 317, 318, 319, 323 BLDS 2015; Điều 147; 227, 228 BLTTDS; Điều 26 NQ326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Buộc anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP B Việt Nam số tiền nợ gốc là 500.000.000đ và tiền nợ lãi tính đến ngày 22/5/2019 là 98.967.534đ. Trường hợp anh T1, chị H1 không thanh toán trả được cho Ngân hàng, đề nghị phát mại toàn bộ tài sản mà anh T1, chị H1 đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Về án phí, quyền kháng cáo đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ngày 03/4/2019, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự để mở phiên tòa xét xử vào 07 giờ 30' ngày 26/4/2019 và giao, tổng đạt cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Do anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1 vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lần hai vào 08 giờ 00' ngày 22/5/2017. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Dương Văn T1 vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ hai, vì lý do công việc của đơn vị bận nên Ông Đào Quang X1 đại diện cho Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Đào Thị H1 vì lý do bận công việc nên cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 238 BLTTDS 2015.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Ngày 15/6/2017 Phòng giao dịch Lục Nam - Ngân hàng TMCP B Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang và anh Dương Văn T1 có ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/5589081/HĐTD. Theo hợp đồng, Ngân hàng có cho anh T1, chị H1 vay số tiền là 500.000.000đ. Mục đích vay để anh chị kinh doanh sắt thép, giải khát, ăn uống...theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20H006075 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 28/11/2014. Hợp đồng vay có thời hạn đến ngày 15/02/2018. Lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi trong hạn.

Khi vay anh T1, chị H1 có ký kết Hợp đồng thế chấp số 01/2015/5589081/HĐBĐ ngày 16/10/2015 đối với diện tích 81,7m² đất ở và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 02 tầng có diện tích 163,4m², địa chỉ thửa đất thuộc thôn ĐL, xã BL, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận ngày 25/12/2009 đứng tên ông Dương Văn T1 và bà Đào Thị H1 để đảm bảo cho việc vay và nghĩa vụ thanh toán.

Hết thời hạn vay, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Dương Văn T1, chị Đào Thị H1 thanh toán nhưng anh T1, chị H1 mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi là 22.515.342đ, số tiền nợ còn lại anh chị không có thiện chí trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc anh T1, chị H1 phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn nợ gốc là 500.000.000đ và tiền nợ lãi tính đến ngày 22/5/2019 là 98.967.534đ. Trường hợp anh T1, chị H1 không thanh toán trả được Ngân hàng, nguyên đơn đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản mà anh T1, chị H1 đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ý kiến của chị Đào Thị H1 trình bày, thừa nhận về việc giao kết các hợp đồng, số tiền vay, mục đích vay, lãi suất vay, thời hạn vay và nợ lãi đúng như đại diện Ngân hàng đã đưa ra. Đến nay Ngân hàng khởi kiện anh chị ra Tòa án, quan điểm của chị là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. HĐXX xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số tiền trên là do vợ chồng anh T1, chị H1 không có ý thức thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền trên mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu, đôn đốc nhưng anh chị không có thiện chí thanh toán trả nên buộc Ngân hàng phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 323, 463 BLDS 2015; Điều 306 Luật thương mại và Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997

của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đưa ra về số tiền nợ gốc anh T1, chị H1 còn nợ là 500.000.000đ.

[4]. Về lãi vay, tính đến hết ngày 22/5/2019 nợ lãi anh T1, chị H1 còn nợ là 98.967.534đ. Đối chiếu với mục 4 của hợp đồng tín dụng giữa các bên ký kết thì lãi suất do hai bên thỏa thuận, phù hợp với Điều 13 Thông tư số 39 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi anh T1, chị H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng là 598. 967.534đ (năm trăm chín mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng).

[5]. Về yêu cầu của phía nguyên đơn phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại đã quy định. Trong trường hợp anh T1, chị H1 không thanh toán trả được cho Ngân hàng số tiền nêu trên, nguyên đơn yêu cầu phát mại tài sản của người đã thế chấp nhằm đảm bảo cho việc thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 4 của hợp đồng thế chấp; Điều 292, 295, 299, 303, 317, 318, 319 và Điều 323 BLDS 2015, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn đưa ra.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 6 và Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Dương Văn T1, chị Đào Thị H1 phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả là: 598. 967.534đ (20.000.000đ + (4% x 198.967. 534đ = 7.958.700đ) = 27. 958.700đ.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 272 và Điều 273 BLTTDS 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 292, 295, 299, 303, 317, 318, 319 và Điều 323 BLDS 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B Việt Nam đối với bị đơn anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1.

Buộc anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP B Việt Nam tiền nợ gốc là 500.000.000đ và tiền nợ lãi tính hết ngày 22/5/2019 là 98.967.534đ, tổng cộng là 598. 967.534đ (năm trăm chín mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng).

Kể từ ngày 23/5/2019, anh anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Trường hợp anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1 không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP B Việt Nam số tiền nợ nêu trên, khi bản án có hiệu lực pháp luật

Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu hồi tài sản đã cho vay.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Dương Văn T1 và chị Đào Thị H1 phải chịu 27.958.700đ (hai mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP B Việt Nam 26.480.000đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai số 0003674 ngày 28/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Nâu